

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO KỶ KẾ TOÁN QUÝ II NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8**

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,  
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Nguyen Van Hoang (Hans Nguyen)	Chủ tịch	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	
Ông Thân Minh Thuận	Thành viên	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	
Ông Hata Kojiro	Thành viên	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	
Ông Phạm Phú Nguyễn	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	
Ông Nguyễn Đức Tùng	Thành viên độc lập	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 26 tháng 06 năm 2024
Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên độc lập	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	
Ông Nguyễn Đức Ngọc	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 06 năm 2024	
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên độc lập	Ngày 26 tháng 06 năm 2024	

**Tổng Giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 06 năm 2023	

**Ủy ban Kiểm toán**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>	<b>Ngày miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Đức Tùng	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 26 tháng 06 năm 2024
Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Ngày 26 tháng 06 năm 2024	
Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Thân Minh Thuận – Tổng Giám đốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8**

BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ,  
Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các tình hình chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Thân Minh Thuận**

**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024*

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>338.304.353.534</b>	<b>275.598.567.099</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>30.325.705.288</b>	<b>39.453.880.296</b>
1. Tiền	111		30.325.705.288	39.453.880.296
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>60.918.007.002</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		62.138.791.090	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.220.784.088)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>209.293.787.592</b>	<b>233.626.528.048</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	89.209.619.644	101.319.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.385.226.974	73.527.667
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	17.350.000.000	21.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	102.102.220.319	211.851.681.282
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(753.279.345)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>32.291.501.645</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		32.291.501.645	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.475.352.007</b>	<b>2.518.158.755</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	58.804.061	3.233.333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.046.481.106	621.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	1.370.066.840	2.514.303.933
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>66.267.752.200</b>	<b>1.281.873.940</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.110.000.000</b>	<b>145.987.470</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	25.110.000.000	145.987.470
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.509.349.559</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.230.680.346	-
- Nguyên giá	222		2.741.450.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(510.769.654)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	37.278.669.213	-
- Nguyên giá	228		37.716.126.888	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(437.457.675)	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.062.825.827</b>	<b>596.663.409</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.062.825.827	596.663.409
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>585.576.814</b>	<b>539.223.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	585.576.814	539.223.061
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>404.572.105.734</b>	<b>276.880.441.039</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>103.533.705.278</b>	<b>4.570.072.506</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.727.340.122</b>	<b>4.570.072.506</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.336.527.743	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.423.878.175	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	773.982.598	701.680.171
4. Phải trả người lao động	314		37.550.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		268.999.061	130.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		117.049.612	73.999.612
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	88.104.960.210	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.806.365.156</b>	<b>-</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	1.370.833.333	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.435.531.823	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>301.038.400.456</b>	<b>272.310.368.533</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>301.038.400.456</b>	<b>272.310.368.533</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		257.209.020.000	257.209.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		257.209.020.000	257.209.020.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.063.595.042	4.942.518.280
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.942.518.280	1.231.766.193
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.121.076.762	3.710.752.087
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.765.785.414	10.158.830.253
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>404.572.105.734</b>	<b>276.880.441.039</b>



**Thân Minh Thuận**  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2024

**Phan Thị Anh Phụng**  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2024	Quý II/2023	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	157,154,524,581	2,000,000,000	171,411,684,482	2,000,000,000
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		157,154,524,581	2,000,000,000	171,411,684,482	2,000,000,000
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	145,031,628,561	139,722,222	158,473,978,561	139,722,222
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12,122,896,020	1,860,277,778	12,937,705,921	1,860,277,778
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2,489,923,408	3,120,445,651	26,199,801,847	3,783,834,714
6. Chi phí tài chính	22	21	(3,244,299,671)	-	18,250,509,329	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,079,145,389	-	1,079,145,389	-
7. Chi phí bán hàng	25	22	1,628,062,500	-	1,628,062,500	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2,064,999,790	609,188,831	2,717,775,248	991,787,050
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		14,164,056,809	4,371,534,598	16,541,160,691	4,652,325,442
10. Thu nhập khác	31	23	3,714,385,432	8,750,001	3,714,385,432	8,750,001
11. Chi phí khác	32	24	17,394,317	1,428,180,149	17,394,333	1,428,180,149
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3,696,991,115	(1,419,430,148)	3,696,991,099	(1,419,430,148)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17,861,047,924	2,952,104,450	20,238,151,790	3,232,895,294
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	866,178,352	879,226,963	2,504,374,180	935,715,088
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(16,784,463)	-	(16,784,463)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		17,011,654,035	2,072,877,487	17,750,562,073	2,297,180,206
17. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		15,091,474,960	1,950,272,643	16,121,076,762	2,174,575,353
18. Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		1,920,179,075	122,604,853	1,629,485,311	122,604,853
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	587	76	627	85



**Thân Minh Thuận**  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2024

**Phan Thị Anh Phụng**  
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.238.151.790	3.232.895.294
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	358.365.675	8.750.001
- Các khoản dự phòng	03	1.974.063.433	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.593.061.764)	(672.584.715)
- Chi phí lãi vay	06	1.079.145.389	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.056.664.523	2.569.060.580
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.378.522.952)	(163.236.394.795)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.291.501.645)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.467.392.951)	(39.683.084.996)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(101.924.481)	(614.669.353)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(62.138.791.090)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(711.147.267)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.276.014.549)	(852.788.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(89.308.630.412)	(201.817.877.156)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(2.766.052.418)	(25.210.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	210.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(79.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.250.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.757.068.167)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	977.782.446	1.451.452.249
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.295.338.139)	(23.548.547.751)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	10.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	173.877.258.839	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(84.401.465.296)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	89.475.793.543	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(9.128.175.008)	(215.366.424.907)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.453.880.296	266.876.794.637
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	<u>30.325.705.288</u>	<u>51.510.369.730</u>



Thân Minh Thuận  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2024

Phan Thị Anh Phụng  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302563707, ngày 18 tháng 3 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 18 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi tên Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 16 người (tại ngày 01/01/2024 là 11 người).

**Trụ sở**

Công ty đăng ký trụ sở tại BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình; đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa; xây dựng nhà để ở; xây dựng nhà không để ở.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán và pháp luật); cho thuê thiết bị văn phòng; đại lý ký gửi hàng hóa; xây dựng nhà để ở; xây dựng nhà không để ở.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp***Công ty con trực tiếp*

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (Trước là: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8)	BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	95,00	95,00	Hoạt động tư vấn quản lý



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

*Công ty con gián tiếp*

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet	19/10/5 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	79,17	79,17	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Công ty TNHH Smoving	BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai Chí Thọ, P. An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	95,00	95,00	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

*Công ty liên kết*

Tên công ty	Nơi đăng ký và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Visalt (i)	Số 2, Đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 1, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Bạc Liêu	36,54	36,54	Sản xuất, chế biến các sản phẩm muối

(i) Công ty Cổ phần Visalt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900693648 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 17 tháng 5 năm 2024. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Nông Sản Agriviet chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Visalt, do đó số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chưa phản ánh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Công ty con được hợp nhất**

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023. Trong kỳ, Công ty thay đổi quy mô, tăng số lượng Công ty con. Theo đó, số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này chỉ cho mục đích tham khảo và không so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Giao dịch hợp nhất kinh doanh**

Vào ngày 16/4/2024, Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam đã hoàn tất mua 83,33% cổ phần của Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet với tổng giá phí là 50.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet trở thành công ty con của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam.

Giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con được Công ty xác định tại ngày 31 tháng 3 năm 2024 như sau:

	<b>Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua</b>
	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.242.931.833
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.437.996.805
Hàng tồn kho	108.558.000.081
Tài sản ngắn hạn khác	3.973.524.035
Các khoản phải thu dài hạn	110.000.000
Tài sản cố định	38.543.522.771
Tài sản dở dang dài hạn	-
Tài sản dài hạn khác	-
Nợ ngắn hạn	(135.721.803.957)
Nợ dài hạn	-
<b>Tổng tài sản thuần (a)</b>	<b>67.144.171.568</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (b)	10.977.469.850
Thuế hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản (c)	2.452.316.286
Thu nhập khác từ giao dịch mua rẻ công ty con (d) (i)	3.714.385.432
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (a) - (b) - (c) - (d)</b>	<b>50.000.000.000</b>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ mua công ty con	38.242.931.833
Tiền chi để mua công ty con	(50.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ nghiệp vụ mua</b>	<b>(11.757.068.167)</b>

(i) Xem thuyết minh số 22

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

*Chi phí Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

*Chi phí nội thất văn phòng:* là chi phí cải tạo văn phòng làm việc và chi phí đồ dùng văn phòng, được phân bổ trong 02 năm từ khi bắt đầu sử dụng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Máy móc thiết bị	06-07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại ST8)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet	Công ty con của Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam
Công ty TNHH Smoving	Công ty con của Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam
Công ty Cổ Phần Visalt	Công ty liên kết với Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Thành viên chủ chốt



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.228.359.379	383.948.573
Tiền gửi ngân hàng	27.097.345.909	39.069.931.723
<b>Cộng</b>	<b><u>30.325.705.288</u></b>	<b><u>39.453.880.296</u></b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>						
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (cổ phiếu HAG)	40.328.036.480	(1.165.384.000)	39.162.652.480	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (cổ phiếu ACC)	1.030.938.278	(44.818.278)	986.120.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (cổ phiếu BCE)	303.081.810	(10.581.810)	292.500.000	-	-	-
CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương (cổ phiếu TDC)	3.484.160.467	-	3.484.160.467	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	5.195.474.275	-	5.195.474.275	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cao Su Đồng Nai (Cổ phiếu CDG)	1.254.318.660	-	1.254.318.660	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (cổ phiếu MSB)	10.542.781.120	-	10.542.781.120	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>62.138.791.090</u></b>	<b><u>(1.220.784.088)</u></b>	<b><u>60.918.007.002</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam	99.410.274	-	101.319.099	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu L.I	23.662.300.000	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Viễn Dương	21.769.750.000	-	-	-
Các đối tượng khác	43.678.159.370	(753.279.345)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>89.209.619.644</u></b>	<b><u>(753.279.345)</u></b>	<b><u>101.319.099</u></b>	<b><u>-</u></b>

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng bổ sung	753.279.345	-
Số cuối kỳ	<b><u>753.279.345</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8**BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai  
Chí Thọ, P. An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ông Ngô Thanh Trà (i)	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Golden Cajú	-	15.300.000.000
Ông Phan Quốc Cường (ii)	13.500.000.000	-
Ông Cai Hoàng Nghĩa	-	5.450.000.000
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu Hoàng Thịnh	850.000.000	850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.350.000.000</b>	<b>21.600.000.000</b>

- (i) Khoản phải thu cho vay với ông Ngô Thanh Trà với giá trị 3.000.000.000 VND, lãi suất cho vay 10%/năm với thời hạn 06 tháng, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản phải thu cho vay với ông Phan Quốc Cường với giá trị 13.500.000.000 VND, lãi suất cho vay 10%/năm với thời hạn 06 tháng, khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>102.102.220.319</b>	-	<b>211.851.681.282</b>	-
<b>Bên liên quan</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	<b>7.500.000.000</b>	-
Ông Trần Duy Thiện - Người thân Chủ tịch UBKT (ii)	5.000.000.000	-	-	-
<b>Ký cược, ký quỹ</b>				
Ông Trần Duy Thiện - Người thân Chủ tịch UBKT	-	-	7.500.000.000	-
<b>Các đối tượng khác</b>	<b>97.102.220.319</b>	-	<b>204.351.681.282</b>	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Anh Hương (i)	85.930.204.712	-	178.990.000.000	-
Tạm ứng				
- Ông Trần Hải Phong	9.050.000.000	-	-	-
- Đối tượng khác	21.370.000	-	10.000.000	-
Tiền lãi dự thu	1.900.658.137	-	282.681.282	-
<b>Ký cược, ký quỹ</b>				
- Ông Lê Thanh Huy	-	-	25.000.000.000	-
- Ông Kim Tekook	-	-	35.000.000	-
- Công ty Cổ phần Di chuyển Xanh và Thông minh GSM	20.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Việt	179.987.470	-	34.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>25.110.000.000</b>	-	<b>145.987.470</b>	-
<b>Ký quỹ, ký cược</b>				
- Ông Lê Thanh Huy (iii)	25.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Thuận Việt	-	-	145.987.470	-
- Đối tượng khác	110.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>127.212.220.319</b>	-	<b>211.997.668.752</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Khoản phải thu khác về hợp tác đầu tư theo hai hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam – Công ty con (“Ecogreen Agri”) và Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Anh Hương (“Anh Hương”), trong đó:

a. Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2023/HĐHTĐT/ST8-AH ngày 24/05/2023 giữa Ecogreen Agri và Anh Hương để hợp tác đầu tư mua lại hệ thống Nhà máy sản xuất lúa gạo tại Thành phố Cần Thơ. Hợp đồng hợp tác không xác định biện pháp đảm bảo tài sản góp vốn của mỗi bên trong hoạt động hợp tác đầu tư này.

Tuy nhiên, theo Báo cáo số 01/2024/TMST8/HĐQT-BC ngày 19/2/2024, Công ty và Anh Hương đã xác định dự án mua nhà máy gạo Hữu Thành không thành do công ty Anh Hương gặp khó khăn trong việc đàm phán mua lại nhà máy gạo, do vậy giữa 02 bên đã quyết định thanh lý hợp đồng và hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cộng các khoản tiền phạt hợp đồng.

Ngày 25/03/2024, Ecogreen Agri và Anh Hương đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 2503/2024/TMST8-AH. Chấm dứt hợp đồng hợp tác số 01 và Anh Hương đồng ý hoàn trả lại cho TM ST8 104 tỷ VND. Thời gian hoàn trả gốc và lãi phạt hợp đồng đến hết năm 2024.

b. Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02/2023/HĐHTĐT/ST8-AH ngày 24/05/2023 giữa Ecogreen Agri và Anh Hương:

Nội dung hợp đồng: hợp tác đầu tư và sở hữu mỏ khoáng sản cao lanh tại tỉnh Bình Phước. Hợp đồng hợp tác không xác định biện pháp đảm bảo tài sản góp vốn của mỗi bên trong hoạt động hợp tác đầu tư này.

Ngày 22/02/2024, Ecogreen Agri và Anh Hương đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư số 2202/2024/TMST8-AH. 2 bên đồng ý chấm dứt hợp đồng hợp tác số 02 và Anh Hương đồng ý hoàn trả lại cho Ecogreen Agri 75 tỷ VND. Trong kỳ, Công ty đã thu hồi đủ tiền gốc và lãi vi phạm hợp đồng này.

(ii) Đây là giá trị tiền phạt vi phạm hợp đồng đặt cọc để Công ty mua 04 thửa đất tại Thôn Hòn Lay, xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng đặt cọc số 02/HĐĐC/ST8-TDT ngày 7 tháng 12 năm 2023 với ông Trần Duy Thiện. Thời điểm giao dịch chưa phải là người có liên quan theo luật định.

(iii) Đây là giá trị đặt cọc để Công ty mua 03 thửa đất tại Thôn Ba Dùi, xã Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC/ST8-LTH ngày 26 tháng 6 năm 2023.

- Khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ cá nhân là ông Lê Thanh Huy.
- Tổng diện tích đã được cấp quyền sử dụng đất của cả 03 thửa là 45.637,9 m<sup>2</sup>.
- Công ty đã hoàn thiện việc thanh toán tiền đặt cọc mua 3 lô đất này, đang tiến hành thương thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Số tiền đặt cọc đã được chuyển đến tài khoản cá nhân ông Lê Thanh Huy là 25.000.000.000 VND.
- Khoản đầu tư được thông qua tại Nghị quyết số 63/2023/ST8/NQ-HĐQT ngày 07/07/2023 của Hội đồng Quản trị, tiếp tục chủ trương đầu tư dự án Trầm Hương Resorts.
- Do một số vấn đề pháp lý việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên Ông Lê Thanh Huy đã làm đơn đề nghị gia hạn thời gian hoàn thành đến quý 3 năm 2025. Ecogreen Agri đã chấp nhận đơn đề nghị theo Công văn số 01/CVCT/ST8-LTH ngày 28/02/2024.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	32.291.501.645	-		
<b>Cộng</b>	<b>32.291.501.645</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>58.804.061</b>	<b>3.233.333</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.190.794	3.233.333
Chi phí bảo hiểm	22.136.767	-
Các khoản khác	26.476.500	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>585.576.814</b>	<b>539.223.061</b>
Chi phí trang trí, nội thất văn phòng	298.803.091	461.169.117
Công cụ dụng cụ xuất dùng	221.366.843	78.053.944
Các khoản khác	65.406.880	-
<b>Cộng</b>	<b>644.380.875</b>	<b>542.456.394</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	16.059.228	-	(16.059.228)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.329.219.902	1.724.659.346	(566.674.136)	2.487.205.112
Thuế thu nhập cá nhân	10.262.367	57.466.669	(55.155.558)	12.573.478
Các loại thuế, phí khác	14.525.343	-	-	14.525.343
<b>Cộng</b>	<b>1.370.066.840</b>	<b>1.782.126.015</b>	<b>(637.888.922)</b>	<b>2.514.303.933</b>
<b>b) Các khoản phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.151	7.243.390	(11.935.393)	4.743.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	773.757.697	788.946.843	(709.340.413)	694.151.267
Thuế thu nhập cá nhân	173.750	2.242.500	(4.854.500)	2.785.750
Các loại thuế, phí khác	-	226.268.976	(226.268.976)	-
<b>Cộng</b>	<b>773.982.598</b>	<b>1.024.701.709</b>	<b>(952.399.282)</b>	<b>701.680.171</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	2.299.890.000	2.299.890.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	441.560.000	1.278.026.363	1.719.586.363
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.278.026.363)	(1.278.026.363)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>441.560.000</b>	<b>2.299.890.000</b>	<b>2.741.450.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	97.675.680	97.675.680
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	441.560.000	273.862.800	715.422.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(302.328.826)	(302.328.826)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>441.560.000</b>	<b>69.209.654</b>	<b>510.769.654</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>2.230.680.346</b>	<b>2.230.680.346</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn giá trị sử dụng tại ngày 30/6/2024 với giá trị 441.560.000 VND (Tại ngày 1/1/2024 là 0 VND)

Tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh 15) với nguyên giá tại ngày 30/6/2024 là 2.299.890.000 VND (Tại ngày 1/1/2024 là 0 VND)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	37.716.126.888	37.716.126.888
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>37.716.126.888</b>	<b>37.716.126.888</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ	260.689.995	260.689.995
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	176.767.680	176.767.680
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>437.457.675</b>	<b>437.457.675</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	<b>37.278.669.213</b>	<b>37.278.669.213</b>

Tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh 15) với nguyên giá tại ngày 30/6/2024 là 37.716.126.888 VND (Tại ngày 1/1/2024 là 0 VND)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Trinh Nguyên	2.412.000.000	2.412.000.000	-	-
Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Xuất nhập khẩu Miền Nam	1.221.000.000	1.221.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ AZ	842.532.000	842.532.000	-	-
Nhà cung cấp khác	860.995.743	860.995.743	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.336.527.743</b>	<b>5.336.527.743</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>88.104.960.210</b>	<b>88.104.960.210</b>	<b>84.401.465.296</b>	<b>172.506.425.506</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán AIS	-	-	10.429.276.960	10.429.276.960	-	-
Công ty CP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (i)	2.505.024.210	2.505.024.210	53.325.461.395	55.830.485.605	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Gia Định (ii)	36.059.500.000	36.059.500.000	-	36.059.500.000	-	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn - CN Bình Phú (iii)	7.000.000.000	7.000.000.000	709.560.274	7.709.560.274	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Sài Gòn	-	-	19.908.000.000	19.908.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 TPHCM (v)	39.190.436.000	39.190.436.000	-	39.190.436.000	-	-
<b>hạn trả, gồm:</b>						
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam (vi)	350.000.000	350.000.000	29.166.667	379.166.667	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.370.833.333</b>	<b>1.370.833.333</b>	<b>379.166.667</b>	<b>1.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam (vi)	1.370.833.333	1.370.833.333	379.166.667	1.750.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>89.475.793.543</b>	<b>89.475.793.543</b>	<b>84.780.631.963</b>	<b>174.256.425.506</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản vay ký quỹ (vay margin) mua chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirare Asset (Việt Nam), tài sản đảm bảo là các chứng khoán mua qua Công ty chứng khoán này.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định theo hợp đồng cấp tín dụng số 214577.24.221.30450326.TD ký ngày 29 tháng 05 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại gạo với tổng hạn mức là 90 tỷ VND. Thời hạn duy trì tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 25 tháng 05 năm 2025. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp:

+ Quyền sử dụng đất của ông Trần Hải Phong – Cổ đông Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet đối với thửa đất số 294 tờ bản đồ số 20 ở Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Được quy định tại hợp đồng thế chấp số 214960.24.221.30450326.BD ký ngày 30 tháng 05 năm 2024.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản ông Trần Hải Phong – Cổ đông Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet gắn liền với đất đối với thửa đất số 208 tờ bản đồ số 10 tại phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Được quy định tại hợp đồng thế chấp số 224934.24.221.30450326.BD ký ngày 28 tháng 6 năm 2024.

- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Phú theo hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-20240060 ký ngày 26 tháng 6 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn kinh doanh nông sản với tổng hạn mức là 7 tỷ VND. Thời gian duy trì hạn mức là từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2025. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38 tờ bản đồ số 29 ở phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu. Được quy định tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1901-LCL-202400057 ký ngày 25 tháng 6 năm 2024.

- (iv) Khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo hợp đồng cấp tín dụng số TBN20241903682/HĐTD ký ngày 28 tháng 05 năm 2024. Khoản vay được sử dụng cho mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức là 3 tỷ VNĐ. Thời hạn duy trì tín dụng là 12 tháng. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

- (v) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 TP.HCM theo hợp đồng cho vay hạn mức số 04/2024-HĐCVHM/NHCT942-AGRIVIET ký ngày 02 tháng 02 năm 2024. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gạo các loại với tổng hạn mức là 40 tỷ VND. Thời gian duy trì hạn mức từ ngày 02 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 10 tháng 01 năm 2025. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đối với các thửa đất số 148, 149, 150, 151 thuộc tờ bản đồ số 30 ở dự án khu dân cư Hoàng Phát, phường 1, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và các tài sản gắn liền với đất đang tồn tại hoặc hình thành trong tương lai. Được quy định tại hợp đồng thế chấp bất động sản số 13/2024/HĐBĐ/NHCT942-AGRIVIET ký ngày 30 tháng 01 năm 2024. (Xem thuyết minh số 13)

- (vi) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng - Phòng giao dịch Nam Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/SSG/2024-HĐTD-260 ký ngày 25 tháng 04 năm 2024. Khoản vay được sử dụng để mua xe ô tô con 7 chỗ Volkswagen CF14SZ với tổng giá trị khoản vay là 1.750.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 60 tháng, lãi suất cố định 5.6% trong 6 tháng đầu tiên, lãi suất 7.6% cố định trong 30 tháng tiếp theo, hết hạn cố định lãi suất sẽ được điều chỉnh 12 tháng một lần đến hết thời hạn vay.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là xe ô tô con 7 chỗ Volkswagen CF14SZ được mua từ nguồn vốn vay trên. Được quy định tại hợp đồng thế chấp số SHBVN/SSG/2024-HĐTC-260 ký ngày 25 tháng 04 năm 2024. (Xem thuyết minh số 12)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	257.209.020.000	1.231.766.193	-	258.440.786.193
Lãi năm trước	-	3.710.752.087	158.830.253	3.869.582.340
Vốn góp trong năm	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>4.942.518.280</b>	<b>10.158.830.253</b>	<b>272.310.368.533</b>
Số đầu năm	257.209.020.000	4.942.518.280	10.158.830.253	272.310.368.533
Lãi trong kỳ	-	16.121.076.762	1.629.485.311	17.750.562.073
Phân lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu năm theo đánh giá lại tài sản	-	-	2.043.596.905	2.043.596.905
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet là công ty con của Công ty	-	-	8.933.872.945	8.933.872.945
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>257.209.020.000</b>	<b>21.063.595.042</b>	<b>22.765.785.414</b>	<b>301.038.400.456</b>

*Vốn điều lệ*

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302563707, sửa đổi lần thứ 26 ngày 18 tháng 7 năm 2024, Vốn Điều lệ của Công ty là 257.209.020.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chi tiết Vốn Điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Thân Minh Thuận	790.700	3,07%	-	0,00%
Ông Nguyễn Văn Hoàng	417.800	1,62%	-	0,00%
Ông Phạm Văn Thuận	375.700	1,46%	-	0,00%
Ông Nguyễn Văn Đại	-	0,00%	3.150.000	12,25%
Bà Trịnh Thị Thanh Truyền	-	0,00%	1.250.000	4,86%
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	19.000	0,07%	1.220.000	4,74%
Các cổ đông khác	24.117.702	93,77%	20.100.902	78,15%
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.720.902</b>	<b>100%</b>	<b>25.720.902</b>	<b>100%</b>

*Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành	25.720.902	25.720.902
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	25.720.902	25.720.902
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***17. DOANH THU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>171.411.684.482</b>	<b>2.000.000.000</b>
Doanh thu bán hàng hóa	170.573.999.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	837.685.482	2.000.000.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>171.411.684.482</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	158.473.978.561	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	139.722.222
<b>Cộng</b>	<b><u>158.473.978.561</u></b>	<b><u>139.722.222</u></b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	482.232.624	5.867.272
Chi phí nhân công	659.393.743	690.428.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.365.675	8.750.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.300.734.774	360.963.955
Chi phí khác bằng tiền	545.110.932	65.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.345.837.748</u></b>	<b><u>1.131.509.272</u></b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	2.595.759.301	663.834.714
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	3.120.000.000
Lãi đầu tư chứng khoán	3.191.757.833	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	982.080.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.769.597.134</u></b>	<b><u>3.783.834.714</u></b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.079.145.389	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	15.830.258.613	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	1.220.784.088	-
Chi phí tài chính khác	120.321.239	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.250.509.329</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	5.600.000	-
Chi phí vật liệu, bao bì	427.125.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.195.337.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.628.062.500</b>	<b>-</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	653.793.743	550.705.822
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.107.624	5.867.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	358.365.675	8.750.001
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.105.397.274	360.963.955
Các khoản chi phí QLDN khác	539.110.932	62.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.717.775.248</b>	<b>991.787.050</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	8.750.001
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng (i)	19.430.204.713	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ (ii)	3.714.385.432	-
<b>Cộng</b>	<b>23.144.590.145</b>	<b>8.750.001</b>

(i) Thu nhập khác từ phạt vi phạm hợp đồng với Anh Hương.

(ii) Xem thuyết Minh số 3 - Giao dịch hợp nhất kinh doanh.

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	-	1.428.180.149
Các khoản khác.	17.394.333	-
<b>Cộng</b>	<b>17.394.333</b>	<b>1.428.180.149</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ST8	1.724.659.347	322.690.822
Công ty Cổ phần Ecogreen Agri Việt Nam	-	613.024.266
Công ty Cổ phần Nông sản Agriviet	779.714.833	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.504.374.180</b>	<b>935.715.088</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ST8**BB-S02A, Tầng trệt Tòa nhà Babylon 3, New City – Số 17 Mai  
Chí Thọ, P. An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	16.121.076.762	2.174.575.353
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.121.076.762	2.174.575.353
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	25.720.902	25.720.902
	<b>627</b>	<b>85</b>

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan trình bày tại các thuyết minh số 08, 16; Công ty không còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
1	Ông Nguyễn Văn Hoàng (Hans Nguyễn )	Chủ tịch HĐQT	72,000,000	-
2	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	36,000,000
3	Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	54,000,000
4	Ông David Cam Hao Ong P.	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	15,000,000
5	Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	66,000,000
6	Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	39,000,000
7	Ông Hata Kojiro	Thành viên HĐQT	18,000,000	-
8	Ông Đoàn Thế Toàn	Thành viên Độc lập HĐQT	18,000,000	-
9	Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	-	27,000,000
10	Ông Nguyễn Tôn Việt	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	-	27,000,000
11	Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm)	-	27,000,000
12	Bà Hoàng Thị Thanh Hoa	Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	-	39,000,000
14	Ông Thân Minh Thuận	Tổng Giám đốc	78,000,000	10,000,000
15	Ông Nguyễn Đức Tùng	Chủ tịch UBKT - TV Độc lập HĐQT (Đã miễn nhiệm)	18,000,000	-
16	Bà Bùi Thị Hương Lan	Trưởng BKS/Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	21,000,000
17	Bà Cái Kim Thoa	Trưởng BKS (Đã miễn nhiệm)	-	66,316,111
18	Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	6,000,000
19	Bà Huỳnh Thị Thảo Sương	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	6,000,000
20	Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên BKS (Đã miễn nhiệm)	-	9,000,000
	<b>Cộng</b>		<b>204,000,000</b>	<b>448,316,111</b>

**Thân Minh Thuận**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2024

**Phan Thị Anh Phụng**

Người lập biểu/Kế toán trưởng

